

Số: 3322 /TM-BVT

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Tim Hà Nội có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 5: “Dụng cụ hỗ trợ can thiệp tim mạch” thuộc dự toán mua sắm hoá chất, vật tư tiêu hao năm 2025 của Bệnh viện Tim Hà Nội với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Tim Hà Nội. (Địa chỉ: 92 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội).
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Thị Nhiệm – SĐT: 0388756935.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Phòng Văn thư, tầng 4, nhà B, Bệnh viện Tim Hà Nội.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08 giờ 00 phút ngày 03 tháng 9 năm 2025 đến trước 16 giờ 30 phút ngày 17 tháng 9 năm 2025.
Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 17 tháng 9 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục vật tư y tế: (Danh mục hàng hoá chi tiết kèm theo).
- Địa điểm cung cấp hàng hoá:
 - Cơ sở 1: kho Vật tư BHYT, số 92 Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Tp. Hà Nội.
 - Cơ sở 2: kho Vật tư BHYT, số 695 Lạc Long Quân, P. Tây Hồ, Tp. Hà Nội.
- Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III năm 2025 (tùy theo thời gian Hợp đồng ký kết).
- Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không có.

Kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, gửi báo giá kèm Thư mời này đến Bệnh viện Tim Hà Nội.

Trân trọng thông báo! W

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website BV Tim HN;
- Lưu: VT, VTTBYT (Nhiệm)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Sinh Hiền

MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 3322 /TM-BVT ngày 29 tháng 8 năm 2025 Bệnh viện Tim Hà Nội)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Tim Hà Nội

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Tim Hà Nội (Thư mời báo giá số 3322 /TM-BVT ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Tim Hà Nội), chúng tôi.... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các hoá chất/vật tư y tế như sau:

1. Báo giá cho các vật tư y tế và các dịch vụ liên quan:

T T	Tên hoá chất / vật tư y tế	Thôn g số kỹ thuật / thàn h phần	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Quy cách đón g gói	Tên thương mại	Hãng /Nướ c sản xuất	Mã HS	Nă m sản xuất	Xuất xứ	Số lượn g	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (đồng)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (đồng)	Thành tiền (VND)
1															
2															
n															

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của các hoá chất/vật tư y tế).

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: __ ngày, kể từ ngày __ tháng __ năm __ [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày __ tháng __ năm __ [ghi ngày..tháng..năm.. kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I – Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hoá chất/vật tư y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng.... năm...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu)

DANH MỤC HÀNG HOÁ GÓI THẦU SỐ 5: DỤNG CỤ HỖ TRỢ CAN THIỆP TIM MẠCH
(Kèm theo Thư mời báo giá số 3322 /TM-BVT ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Bệnh viện Tim Hà Nội)

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
1	Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường, khẩu kính đầu vào $\leq 0.016"$	- Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường chất liệu Ultra-slim/ Polyamide, phủ lớp ái nước - Khẩu kính đầu vào $\leq 0.016"$ - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	600	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Mỹ	
2	Bóng nong động mạch vành áp lực thông thường	- Bóng nong mạch vành áp lực thường chất liệu Pebax/ Polyamide, phủ ái nước - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1450\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	800	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Mỹ	
3	Bóng nong mạch vành áp lực thường	- Bóng nong mạch vành áp lực thường - Khẩu kính/ Thiết diện đầu vào $\leq 0.017"$ - Áp lực thường $\leq 8\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1430\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	500	Cái	1 Cái/ Hộp	Khối EU/ Đông Nam Á	
4	Bóng nong mạch vành loại áp lực thường, phủ lớp ái nước	- Bóng nong mạch vành loại áp lực thường chất liệu Polyamide, phủ lớp ái nước. - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Khẩu kính/ Thiết diện đầu vào $\leq 0.016"$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.0\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1450\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1250	Cái	1 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
5	Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường, chất liệu polyamide	- Bóng nong mạch vành loại áp lực thường chất liệu Polyamide, phủ lớp ái nước. - Khẩu kính/ Thiết diện đầu vào $< 0.016"$ - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $< 1.0\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1460\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1150	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
6	Bóng nong mạch vành loại áp lực thông thường	- Bóng nong mạch vành loại áp lực thường chất liệu Comax II/ Semi Crystalline, phủ lớp ái nước - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1450\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	300	Cái	1 Cái/ hộp	Khối EU	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
7	Bóng nong mạch vành loại áp lực thường, áp lực vỡ bóng $\geq 16\text{atm}$	- Bóng nong mạch vành áp lực thường chất liệu Nylon - Pebax/Semi Crystalline, phủ ả nước - Khẩu kính/ Thiết diện đầu vào $\leq 0.016''$ - Áp lực vỡ bóng $\geq 16\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 2.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1420\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	350	Cái	1 cái/hộp	Khối EU	
8	Bóng nong động mạch vành áp lực cao, có thiết diện đầu vào $\leq 0.015''$	- Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao, có lớp phủ ả nước - Khẩu kính/ Thiết diện đầu vào $\leq 0.015''$ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1000	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Mỹ	
9	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	- Bóng nong động mạch vành áp lực cao, đa lớp, chất liệu bóng Pebax/ Comax - Áp lực vỡ bóng $\geq 18\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1430\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1000	Cái	1 cái/ hộp	Châu Mỹ	
10	Bóng nong động mạch vành áp lực cao có đường kính $\geq 6.0\text{mm}$	- Bóng nong mạch vành áp lực cao chất liệu Slope/ Polyamide, phủ ả nước - Áp lực vỡ bóng $\geq 18\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 6.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	500	Cái	1 cái/ hộp	Khối EU/ Đông Nam Á	
11	Bóng nong động mạch vành áp lực cao, chất liệu Semi Crystalline/ Polyamide	- Bóng nong động mạch vành áp lực cao chất liệu Semi Crystalline/ Polyamide - Áp lực vỡ bóng tối đa $\geq 18\text{atm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1450\text{mm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	2000	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Âu	
12	Bóng nong mạch vành áp lực cao chất liệu Polyamide	- Bóng nong mạch vành loại áp lực cao chất liệu Polyamide - Khẩu kính/Thiết diện đầu vào $\leq 0.017''$ - Áp lực vỡ bóng $\geq 22\text{atm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1450\text{mm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	2000	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
13	Bóng nong động mạch vành áp lực cao, áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$	- Bóng nong mạch vành áp lực cao chất liệu Polyamide - Khẩu kính/Thiết diện đầu vào $< 0.017''$ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1460\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1300	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
14	Bóng nong mạch vành áp lực siêu cao	- Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao lên đến áp lực 35 bar. - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	200	Cái	1 cái/ hộp	Châu Âu	
15	Bóng nong mạch vành áp lực cao $\geq 25\text{atm}$	- Bóng nong mạch vành áp lực cao chất liệu Nylon-Pebax/Light - Áp lực vỡ bóng $\geq 25\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 6\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1420\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	300	Cái	1 cái/ hộp	Châu Âu	
16	Bóng nong mạch vành áp lực cao	- Bóng nong mạch vành loại áp lực cao chất liệu Polyamide phủ lớp ái nước kéo dài đến thân catheter - Khẩu kính/ Thiết diện đầu vào $\leq 0.017''$ - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 8\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1450\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	400	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
17	Bóng phá mảng vôi hóa nội mạch vành bằng sóng xung kích	Bóng phá mảng vôi hóa nội mạch vành bằng sóng xung kích - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 15\text{mm}$ - Có nghiên cứu chứng minh tính an toàn và hiệu quả	100	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
18	Bóng nong mạch vành có gắn lưới dao	- Bóng nong động mạch vành có gắn 3 hoặc 4 lưới dao chất liệu thép không gỉ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 6\text{mm}$, tối đa $\geq 15\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	400	Cái	1 cái/ hộp	Khỏi EU	
19	Bóng nong mạch vành chống trượt	- Bóng nong cắt mạch vành chống trượt chất liệu Nylon - Trên bóng có gắn 3 thành tổ nylon - Áp lực vỡ bóng $\geq 24\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng $\leq 15\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\leq 1450\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	1200	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
20	Bóng chặn hỗ trợ rút microcatheter	- Bóng chặn hỗ trợ rút microcatheter chất liệu Nylon - Áp lực thường $\leq 8\text{atm}$, áp lực vỡ bóng $\geq 14\text{atm}$ - Chiều dài bóng $\leq 15\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
21	Bóng nong mạch vành phủ thuốc paclitaxel	- Bóng nong động mạch vành chất liệu Comax II/ Polyamide, phủ thuốc Paclitaxel bằng công nghệ Pacocath/Micropipepting/FreePac với thiết kế gấp 4 cánh - Nồng độ thuốc $\geq 3\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 40\text{mm}$ - Có nghiên cứu ngẫu nhiên ≥ 5000 bệnh nhân, chứng minh tính an toàn và kết quả can thiệp tốt - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	350	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
22	Bóng nong mạch vành có phủ thuốc	- Bóng nong mạch vành chất liệu Semi Crystalline/Pebax, phủ thuốc Paclitaxel bằng công nghệ Micropipepting/Pacocath/FreePac - Nồng độ thuốc $\geq 3\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Được nghiên cứu ≥ 2000 bệnh nhân, chứng minh tính an toàn và kết quả can thiệp tốt - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	300	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Âu	
23	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc paclitaxel, nồng độ thuốc $> 3\mu\text{g}/\text{mm}^2$	- Bóng nong mạch vành chất liệu Ultra - Slim/ Polyamide, phủ thuốc Paclitaxel bằng công nghệ FreePac/Pacocath/Micropipepting - Nồng độ thuốc $> 3\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Được nghiên cứu ≥ 1000 bệnh nhân, chứng minh tính an toàn và kết quả can thiệp tốt - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	200	Cái	1 Cái/ Hộp	Khối EU	
24	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc paclitaxel	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA (PMA) và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	200	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
25	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc paclitaxel, có thể bung thuốc ≥ 2 lần	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Nồng độ thuốc $\geq 3\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Có thể bung thuốc ≥ 2 lần - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Cái	1 Cái/ Hộp	Khối EU	
26	Bóng nong mạch vành phủ thuốc sirolimus, nồng độ thuốc $\geq 1\mu\text{g}/\text{mm}^2$	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Nồng độ thuốc $\geq 1\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 40\text{mm}$ - Được nghiên cứu ≥ 2000 bệnh nhân, chứng minh tính an toàn và kết quả can thiệp tốt - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
27	Bóng nong mạch vành phủ thuốc sirolimus	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus - Nồng độ thuốc $\geq 1\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Được nghiên cứu ≥ 2000 bệnh nhân, chứng minh tính an toàn và kết quả can thiệp tốt - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
28	Bóng nong mạch ngoại vi	- Bóng nong mạch ngoại vi chất liệu bóng Nylon -Pebax phủ ái nước - Tương thích dây dẫn: 0.014", 0.018", 0.035" - Chiều dài catheter: có loại $\geq 200\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	250	Cái	1 cái/ hộp	Khối EU	
29	Bóng nong mạch ngoại vi, mạch cảnh	- Bóng nong động mạch cảnh, động mạch thận chất liệu bóng XCELON phủ lớp kỵ nước - Tương thích dây dẫn 0.014", hệ thống 6F - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 15\text{mm}$, tối đa $\geq 40\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA lưu hành tại Mỹ (PMA) và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Cái	1 Cái /Hộp	Nhóm nước G7	
30	Bóng nong động mạch ngoại biên, tương thích dây dẫn 0.018", 0.035"	Bóng nong mạch ngoại biên chất liệu Nylon/ Pebax có điểm đánh dấu cân quang - Tương thích dây dẫn: 0.018", 0.035" - Chiều dài hệ thống tối thiểu $\leq 80\text{cm}$, tối đa $\geq 135\text{cm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 4.5\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 40\text{mm}$, tối đa $\geq 280\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
31	Bóng nong mạch máu ngoại biên có phủ thuốc	- Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel với công nghệ giải phóng thuốc FreePAC - Tương thích dây dẫn 0.035" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 4.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 40\text{mm}$, tối đa $\geq 150\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	50	Cái	1 Cái / Hộp	Châu Âu	
32	Bóng nong mạch máu và hỗ trợ đặt stent	- Bóng nong mạch máu và hỗ trợ đặt stent, có loại bóng trong bóng - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Có loại đường kính bóng trong tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 14\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 40\text{mm}$, tối đa $\geq 60\text{mm}$ - Chiều dài catheter tối thiểu $\leq 800\text{mm}$, tối đa $\geq 1200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	10	Cái	1 Cái /Hộp	Nhóm nước G7	
33	Bóng nong van hai lá	- Bóng nong van hai lá - Đường kính thân bóng $\leq 12\text{F}$ và chiều dài thân bóng $\geq 70\text{cm}$. - Chiều dài bóng $\leq 2.5\text{cm}$ - Đường kính bóng từ 20-30mm - Có chứng nhận FDA và CE	30	Bộ	1 bộ/ hộp	Nhóm nước G7	
34	Bộ phận kết nối manifold	- Bộ phận kết nối manifold chất liệu Polycarbonate - Chịu được áp lực $\geq 1000\text{ PSI}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	4500	Cái	Hộp 50 cái	Khối EU	
35	Bộ phận kết nối đa cổng	- Bộ phận kết nối đa cổng chất liệu Polycarbonate - Đường kính trong 0.093" - Chịu áp lực tối đa 500PSI - Có chứng nhận FDA và CE	5700	Cái	25 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
36	Bộ phận kết nối kèm bơm tiêm, dây truyền dịch	- Bộ phận kết nối chất liệu Polycarbonate kèm theo: Bơm tiêm đầu xoay, dây truyền dịch, dây đo áp lực - Chịu áp lực tối đa 500PSI - Có chứng nhận FDA lưu hành tại Mỹ (PMA) hoặc CE	2200	Cái	1 cái/hộp	Nhóm nước G7	
37	Kim chọc mạch 18G	- Kim chọc mạch - Chất liệu thép không gỉ - Kích cỡ tối thiểu 18G - Tương thích dây dẫn 0.035" - Có chứng nhận FDA hoặc CE	2050	Cái	1 Cái/ hộp	Khối EU	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
38	Kim chọc mạch 18G - 21G	- Kim chọc mạch quay, dài - Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: 18G, 19G, 20G, 21G - Có chứng nhận FDA và CE	1950	Cái	25 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
39	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay	- Dụng cụ mở đường động mạch quay các cỡ 4F, 5F, 6F chất liệu polyethylene hoặc Polypropylene kèm: + Dây dẫn làm bằng thép không gỉ hoặc nitinol, đường kính tối thiểu 0.018"; dài ≥ 40 cm + Kim chọc mạch 20G, 21G dài 4cm, 7cm. - Có chứng nhận FDA và CE	7500	Cái	5 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
40	Dụng cụ mở đường vào mạch quay kèm dây dẫn làm bằng nhựa	- Dụng cụ mở đường vào động mạch quay 4F, 5F, 6F chất liệu ETFE kèm: + Dây dẫn ngắn làm bằng nhựa, đường kính dây dẫn 0.025" + Kim chọc mạch 20G	2000	Bộ	5 bộ/hộp	Nhóm nước G7	
41	Dụng cụ mở đường vào mạch đùi đường kính đến 8F	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu có van cầm máu, chất liệu polyethylene hoặc Polypropylene - Đường kính tối đa ≤ 8 F, chiều dài ≥ 11 cm - Tương thích dây dẫn 0.038" hoặc 0.035", chiều dài khoảng 50cm, đầu hình chữ J - Có chứng nhận FDA và CE	4200	Cái	5 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
42	Dụng cụ mở đường vào mạch đùi kèm dây dẫn làm bằng nhựa	- Dụng cụ mở đường vào động mạch đùi có van cầm máu kèm: + Dây dẫn làm bằng nhựa, đường kính dây dẫn 0.035", dài khoảng 45cm + Kim chọc mạch - Đường kính ≤ 8 F - Có chứng nhận FDA hoặc CE	600	Cái	5 cái/hộp	Nhóm nước G7	
43	Dụng cụ mở đường vào mạch đùi	- Dụng cụ mở đường vào mạch đùi có van cầm máu chất liệu FEP, thành mỏng kèm kim chọc mạch - Tương thích dây dẫn chất liệu thép không gỉ, đường kính 0.035", dạng đầu chữ J và đầu thẳng - Đường kính tối đa ≤ 7 F, chiều dài ≥ 11 cm - Có chứng nhận FDA hoặc CE	300	Bộ	Hộp 20 Bộ	Khối EU	
44	Bơm tiêm thuốc cân quang dung tích tối đa tới 30ml	- Bơm tiêm thuốc cân quang chất liệu Polycarbonate - Dung tích tối đa 30ml - Đầu luer cố định, không chứa latex	3200	Cái	1 cái/ túi	Nhóm nước G7	
45	Bơm tiêm thuốc cân quang	- Bơm tiêm 1ml, 3ml, 10ml, chất liệu Polycarbonate - Bơm tiêm có đầu luer lock - Có chứng nhận FDA và CE	3500	Cái	25 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
46	Bơm tiêm thuốc cân quang đa màu sắc	- Bơm tiêm 1ml, 10ml, 20ml, chất liệu Polycarbonate - Bơm tiêm có đầu luer lock - Đa màu sắc khác nhau - Có chứng nhận FDA hoặc CE	3800	Cái	1 cái/túi	Nhóm nước G7	
47	Bơm áp lực cao	- Bơm áp lực cao kèm: Van Y cầm máu, khóa chặt 3, torque device (dụng cụ lái) - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực bơm tối đa ≥ 30 atm - Khóa Prime hỗ trợ đuổi khí bằng 1 tay - Có chứng nhận FDA và CE	3250	Cái	1 cái/túi	Châu Mỹ	
48	Bơm áp lực cao với thể tích ≥ 25 ml	- Bộ bơm bóng áp lực cao kèm theo: Van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm, khóa chặt 3 xoay 360 độ, torque device (dụng cụ lái) - Áp lực bơm tối đa ≥ 30 atm - Thể tích xy lanh ≥ 25 ml	1650	Bộ	1 bộ/ hộp	Nhóm nước G7	
49	Bơm áp lực cao kèm van Y cầm máu dạng bấm	- Bơm áp lực cao kèm: Van Y cầm máu dạng bấm, khóa chặt 3, torque device (dụng cụ lái) - Chất liệu Polycarbonate - Áp lực bơm tối đa ≥ 30 atm, đồng hồ phát quang. - Có chứng nhận CE hoặc FDA	850	Cái	1 cái/túi	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
50	Bơm áp lực siêu cao	- Bộ bơm bóng áp lực cao với áp lực tối đa $\geq 40\text{atm}$ - Chất liệu Polycarbonate, polymer - Thể tích khoảng $\leq 25\text{ml}$ - Có chứng nhận FDA và CE	860	Cái	1 cái/túi	Không áp dụng	
51	Bơm áp lực cao với dây nối dài lên tới 45cm	- Bộ bơm bóng áp lực cao kèm theo: Van Y cầm máu dạng kết hợp vặn và bấm, dây nối dài tối đa $\geq 45\text{cm}$, torque device (dụng cụ lái) - Áp lực bơm tối đa $\geq 25\text{atm}$ - Thể tích xy lanh tối đa $\geq 20\text{ml}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	400	Bộ	1 cái/túi	Không áp dụng	
52	Dây bơm thuốc áp lực cao	- Dây bơm thuốc áp lực cao 1200 Psi vật liệu làm bằng PUR (Polyurethane) - Có đầu khóa - Chiều dài tối đa $\leq 120\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	250	Cái	1 Cái/ hộp	Không áp dụng	
53	Dây bơm thuốc áp lực cao chiều dài tới 150cm	- Dây bơm thuốc cân quang áp lực cao đến 1200 psi, chất liệu PVC/Nylon/ Polyurethane - Chiều dài $\leq 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA và CE	250	Cái	25 Cái/ Hộp	Không áp dụng	
54	Bộ đầu dò siêu âm trong lòng mạch, tần số tới 60MHz	- Đầu dò siêu âm mạch vành tần số $\geq 60\text{Mhz}$ - Phủ lớp ái nước - Tương thích ống thông can thiệp $\leq 5\text{F}$ - Chiều dài làm việc $\leq 135\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA và CE	700	Cái	1 cái/ hộp	Châu Mỹ	
55	Bộ đầu dò siêu âm trong lòng mạch	- Đầu dò siêu âm trong lòng mạch tần số $\geq 45\text{Mhz}$ phủ lớp ái nước - Đường kính thân đầu dò $\leq 3\text{F}$ - Khẩu kính đầu vào $\leq 0.025"$ - Tương thích ống thông can thiệp $\leq 5\text{F}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	200	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Mỹ	
56	Bộ đầu dò siêu âm trong lòng mạch kỹ thuật số	- Đầu dò siêu âm trong lòng mạch kỹ thuật số, tần số 20Mhz, phủ lớp ái nước - Có loại chiều dài đầu tip $\leq 2.5\text{mm}$ - Kích thước catheter tối đa $\leq 5\text{F}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	190	Cái	01 Cái /Hộp	Châu Mỹ	
57	Bộ đầu dò siêu âm trong lòng mạch tích hợp cận hồng ngoại	- Đầu dò siêu âm trong lòng mạch tần số tối đa $\geq 60\text{Mhz}$, có tích hợp cận hồng ngoại - Có chứng nhận FDA hoặc CE	90	Cái	01 Cái /Hộp	Nhóm nước G7	
58	Dây dẫn đo phân suất dự trữ lưu lượng mạch vành FFR và IFR	- Dây dẫn áp lực đo dự trữ dòng chảy động mạch vành FFR và IFR - Đường kính 0.014" - Chiều dài $\leq 300\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Mỹ	
59	Dây đo phân suất dự trữ lưu lượng động mạch vành FFR	- Dây đo phân suất dự trữ lưu lượng động mạch vành FFR phủ ái nước với đầu tip mềm, có kết nối không dây - Chiều dài $\leq 300\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	150	Cái	1 Cái /Hộp	Châu Mỹ	
60	Dây dẫn áp lực để đo dự trữ dòng chảy động mạch vành (FFR)	- Dây dẫn áp lực để đo dự trữ dòng chảy động mạch vành (FFR), có cảm biến áp suất quang học - Chiều dài dây $\leq 185\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA và CE	50	Cái	01 Cái /Hộp	Châu Mỹ	
61	Ống thông chẩn đoán hình ảnh chụp cắt lớp quang học lòng mạch (OCT)	- Ống thông chẩn đoán hình ảnh chụp cắt lớp quang học lòng mạch (OCT), phủ lớp ái nước - Chiều dài $\geq 135\text{cm}$ - Đường kính ngoài đoạn xa $\leq 2.7\text{F}$ - Tương thích dây dẫn 0.014"	50	Cái	1 Cái /Hộp	Nhóm nước G7	
62	Kẹp sinh thiết cơ tim	- Kẹp sinh thiết cơ tim qua đường ống thông - Chất liệu thép không gỉ, có loại phủ PTFE và không phủ PTFE - Hàm cơ học, có khóa. - Đường kính dụng cụ $\leq 2.4\text{mm}$ - Thể tích sinh thiết $\leq 7\text{mm}^3$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5	Cái	1 Cái /Hộp	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
63	Bộ dụng cụ khoan phá với hóa động mạch vành	- Mũi khoan hình elip, được phủ tinh thể kim cương, đường kính mũi khoan tối thiểu $\leq 1.25\text{mm}$, tối đa $\geq 2.50\text{mm}$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.009''$, chiều dài dây dẫn $\leq 330\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA và CE	150	Bộ	1 bộ/hộp	Châu Âu/Châu Mỹ	
64	Catheter chụp động mạch vành hai bên phải trái đường động mạch quay	- Catheter chụp động mạch vành 2 bên chất liệu Polyamide, lõi đan kép, bên bằng thép không gỉ mật độ khác nhau từng đoạn - Đường kính 4F, 5F - Chiều dài tối thiểu $\leq 80\text{cm}$, tối đa $\geq 120\text{cm}$ - Đường kính trong catheter $\geq 1.2\text{mm}$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038''$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5500	Cái	1 cái/hộp	Nhóm nước G7	
65	Catheter chụp động mạch vành các loại	- Catheter chụp mạch vành chất liệu có cản quang, phủ Nylon bền - Có các loại đầu cong: JL, JR, AL, IM, PIG, MP... - Đường kính ngoài $\geq 4\text{F}$ - Chiều dài tối đa 125cm - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038''$ - Có chứng nhận FDA và CE	3750	Cái	5 Cái/ Hộp 10 Cái/ Hộp	Châu Mỹ	
66	Catheter chụp động mạch vành cấu trúc 3 lớp	- Catheter chụp động mạch vành, cấu trúc 3 lớp, đan kép bằng thép không gỉ, chất liệu thành ống Nylon Polyurethan - Đường kính $\geq 4\text{F}$ - Chiều dài tối đa 110cm - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038''$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1200	Cái	5 cái/hộp	Nhóm nước G7	
67	Catheter chụp động mạch vành	- Catheter chụp động mạch vành chất liệu sợi bên bằng thép không gỉ và Polyamid, có 1 marker định vị ở đầu ống thông - Đường kính $\geq 4\text{F}$ - Chiều dài $\leq 100\text{cm}$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038''$	2000	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
68	Catheter chụp mạch não, mạch ngoại vi	- Catheter chụp mạch não, mạch ngoại vi với cấu trúc 3 lớp, phủ ả nước - Đường kính ngoài $\leq 5\text{F}$ - Chiều dài $\leq 100\text{cm}$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038''$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	300	Cái	5 cái/hộp	Nhóm nước G7	
69	Catheter chụp mạch não, mạch ngoại vi loại lòng rộng	- Catheter chụp mạch não, ngoại vi lòng rộng cấu trúc 3 lớp, phủ ả nước - Đường kính ngoài $\leq 5\text{F}$ - Đường kính trong catheter $5\text{F} \geq 1.2\text{mm}$ - Chiều dài $\leq 100\text{cm}$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038''$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	250	Cái	5 cái/hộp	Nhóm nước G7	
70	Catheter chụp mạch não và mạch ngoại vi loại 4F/5F	- Catheter chụp mạch não, ngoại vi chất liệu Nylon Pebax - Đường kính 4F, 5F - Chiều dài $\leq 125\text{cm}$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038''$ - Có chứng nhận FDA và CE	250	Cái	5 Cái/hộp	Châu Mỹ	
71	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	- Ống thông hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp mạch vành có phủ ả nước - Tương thích ống thông can thiệp 6F - Đường kính trong tối thiểu $\leq 1.35\text{mm}$, tối đa $\geq 1.40\text{mm}$ - Chiều dài $< 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	220	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
72	Ống thông nối dài	- Ống thông hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp mạch vành có phủ lớp ả nước - Tương thích ống thông can thiệp 6F, 7F - Chiều dài $\leq 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	200	Cái	1 Cái / Hộp	Khởi EU	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
73	Ống thông hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp mạch vành	- Ống thông hỗ trợ đẩy sâu trong can thiệp mạch vành có lớp phủ ái nước - Tương thích ống thông can thiệp $\geq 6F$ - Chiều dài $\leq 150cm$ - Chiều dài đoạn ống thông: có loại $\geq 40cm$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
74	Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành/thận	- Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành/thận, thiết kế bằng kỹ thuật đan lưới lòng ống (Full wall) giúp kháng xoắn và kháng bẹp khi can thiệp - Có tối thiểu các loại đầu cong: * EBU, JL, JR, AL, SAL, MB dài $\leq 100cm$ * IMA dài tối thiểu $\leq 55cm$ - Đường kính $\leq 8F$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5250	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Mỹ	
75	Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành	- Catheter trợ giúp can thiệp động mạch vành, đáp ứng mô-men xoắn 1:1 - Đường kính tối đa $\geq 9F$ - Chiều dài $\leq 100cm$ - Có chứng nhận FDA và CE	500	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Mỹ	
76	Catheter trợ giúp can thiệp tim mạch	- Catheter trợ giúp can thiệp tim mạch, cấu trúc 3 đoạn uốn cong tăng khả năng hỗ trợ - Có thiết kế bo tròn ở thành đầu ống thông - Có tối thiểu các loại đầu cong: * PB, SPB, JL, JR, AL, SAL, MB, IM - Đường kính $\leq 8F$ - Chiều dài $\leq 100cm$	200	Cái	1 Cái/ Hộp	Không áp dụng	
77	Catheter trợ giúp can thiệp mạch ngoại biên	- Catheter trợ giúp can thiệp mạch ngoại biên chất liệu thép không gỉ cường lực, phủ polymer có van cầm máu và stopcock 3 cửa - Có loại thẳng và đối bên (crossover) - Thiết kế chống gây gập lòng ống - Đường kính $\leq 8F$ - Chiều dài tối thiểu $\geq 45cm$ - Có chứng nhận FDA và CE	500	Cái	5 Cái/ Hộp	Khối EU	
78	Catheter trợ giúp can thiệp mạch chi	- Catheter trợ giúp can thiệp mạch chi chất liệu PTFE, cuộn thép không gỉ và nylon - Điểm đánh dấu bằng vàng - Chiều dài $\leq 90cm$ - Đường kính trong $\leq 8F$ - Có chứng nhận FDA và CE	420	Cái	1 cái/hộp	Nhóm nước G7	
79	Catheter siêu nhỏ có lớp cuộn bằng vàng	- Catheter siêu nhỏ dạng thẳng trong hỗ trợ can thiệp động mạch vành tráng chất ái nước với đầu catheter có lớp cuộn bằng vàng - Đường kính ngoài $\leq 1.8F$ - Chiều dài $\leq 150cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	250	Cái	1 cái/hộp	Nhóm nước G7	
80	Catheter siêu nhỏ dạng thẳng	- Catheter siêu nhỏ dạng thẳng trong hỗ trợ can thiệp động mạch vành chất liệu hợp chất Nylon và Polytetrafluoroethylene - Đường kính ngoài $\leq 1.8F$ - Chiều dài $\leq 150cm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	150	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
81	Catheter siêu nhỏ có 2 nòng	- Catheter siêu nhỏ có 2 nòng - Bên trong ống luồn dây dẫn phủ Silicone oil - Đường kính đầu tip tối thiểu $\leq 0.45mm$, chiều dài $\leq 1400mm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	20	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
82	Catheter siêu nhỏ hai nòng	- Catheter siêu nhỏ có 2 nòng chất liệu thép không gỉ, chống xoắn - Đường kính đầu tip tối thiểu $\leq 1.5F$, chiều dài $\geq 1450mm$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	10	Cái	1 Cái/ Hộp	Không áp dụng	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
83	Vi ống thông dùng cho tổn thương tắc mãn tính dạng xoắn	- Catheter siêu nhỏ dùng cho tổn thương tắc mãn tính dạng xoắn - Chiều dài lớp phủ ái nước tính từ đầu tip: $\geq 70\text{cm}$ - Chiều dài $\leq 150\text{cm}$ - Đường kính ngoài đầu tip $\leq 1.3\text{F}$ - Đường kính ngoài phần thân xa $\leq 2.1\text{F}$ - Đường kính ngoài phần thân gần $\leq 2.9\text{F}$	30	Cái	1 Cái/ hộp	Không áp dụng	
84	Vi ống thông đặc biệt dùng cho tổn thương tắc mãn tính	- Catheter siêu nhỏ cấu trúc dạng bện, lớp phủ Hydrophilic - Chiều dài $\leq 150\text{cm}$. - Đường kính ngoài phần thân xa $\leq 1.9\text{F}$ - Đường kính ngoài phần thân gần $\leq 2.6\text{F}$ - Đường kính ngoài đầu tip $\leq 1.4\text{F}$	80	Cái	1 Cái/ hộp	Không áp dụng	
85	Vi ống thông có marker	- Vi ống thông siêu nhỏ có marker, có các loại đầu tip: thẳng, cong 45 độ, cong 90 độ, cong 130 độ - Đường kính ngoài đầu xa $\leq 2.6\text{F}$ - Đường kính ngoài đầu gần $\leq 2.95\text{F}$ - Chiều dài $\leq 160\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	20	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
86	Dây dẫn đường cho catheter dài 260cm	- Dây dẫn đường cho catheter phủ ngoài bằng lớp ái nước - Đường kính tối đa $\leq 0.038"$ - Độ dài dây dẫn $\geq 260\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1150	Cái	5 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
87	Dây dẫn đường cho catheter phủ ái nước	- Dây dẫn đường cho catheter chất liệu hợp kim Nitinol siêu đàn hồi, phủ lớp ái nước - Đường kính $\leq 0.038"$ - Chiều dài tối đa $\leq 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	2300	Cái	5 cái/hộp	Nhóm nước G7	
88	Dây dẫn đường cho catheter có trợ lực tốt	- Dây dẫn đường cho catheter chất liệu hợp kim Nitinol, phủ ái nước 3 lớp - Dây dẫn có trợ lực tốt, đáp ứng mô-men xoắn 1:1 - Chiều dài $\leq 260\text{cm}$ - Đường kính tối đa $\leq 0.038"$ - Có chứng nhận FDA và CE	3200	Cái	1 Cái/ Hộp	Khỏi EU	
89	Dây dẫn đường cho catheter có marker đánh dấu	- Dây dẫn đường cho catheter chất liệu hợp kim Nitinol, phủ ái nước - Có marker đánh dấu ở phần đầu dây dẫn - Chiều dài từ $\leq 260\text{cm}$ - Đường kính tối đa $\leq 0.035"$	2500	Cái	5 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
90	Dây dẫn đường cho catheter	- Dây dẫn đường cho catheter chất liệu hợp kim Nitinol, phủ ái nước - Độ cứng đầu tip $\geq 6,3\text{gf}$ - Chiều dài $\leq 150\text{cm}$ - Đường kính tối đa $\leq 0.035"$	1000	Cái	1 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
91	Dây dẫn đường cho bóng và stent	- Dây dẫn trong can thiệp động mạch vành chất liệu hợp kim Platinum, NiTi nhiều đoạn khác nhau - Lõi Nitinol kết hợp thép không gỉ, lớp cuộn ngoài platinum. - Đường kính $\leq 0.014"$, dài $\leq 180\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	3000	Cái	5 cái/hộp	Nhóm nước G7	
92	Dây dẫn đường cho bóng và stent loại thường	- Dây dẫn trong can thiệp động mạch vành, công nghệ nhiều loại lớp phủ khác nhau: silicone, hydrophilic - Đường kính $\leq 0.014"$ - Chiều dài tối đa 180cm - Độ cản quang đầu tip dài $\leq 3\text{cm}$ - Chiều dài lò xo tối thiểu $\leq 8.5\text{cm}$, tối đa $\geq 28\text{cm}$ - Độ cứng đầu tip $\leq 0.7\text{gf}$	2500	Cái	5 cái/hộp	Nhóm nước G7/ Đông Nam Á	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
93	Dây dẫn đường cho bóng và stent nhiều loại lớp phủ	- Dây dẫn trong can thiệp động mạch vành, công nghệ nhiều loại lớp phủ khác nhau: silicone, hydrophilic - Đường kính $\leq 0.014"$ - Chiều dài phủ ái nước $\geq 50\text{cm}$ - Chiều dài tối đa 190cm - Chiều dài đoạn lò xo $\geq 20\text{cm}$, trong đó đoạn đầu tip cuộn lò xo bằng platinum dài $\leq 3\text{cm}$	1500	Cái	1 Cái/Hộp	Nhóm nước G7	
94	Dây dẫn đường cho bóng và stent loại đặc biệt	- Vi dây dẫn đường cho bóng và stent loại đặc biệt trong can thiệp tổn thương tắc hoàn toàn mãn tính, chất liệu nhiều loại lớp phủ khác nhau gồm: hydrophilic, polymer... - Đường kính $\leq 0.014"$ - Chiều dài tối thiểu $\leq 180\text{cm}$, tối đa $\geq 330\text{cm}$	700	Cái	5 cái/hộp	Không áp dụng	
95	Dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệp tổn thương mãn tính	- Vi dây dẫn đường cho bóng và stent trong can thiệp tổn thương tắc mãn tính - Đường kính tối thiểu $\leq 0.011"$, tối đa $\geq 0.014"$ - Đầu tip dạng uốn sẵn 1mm - Khả năng tải đầu tip tối thiểu $\leq 2.0\text{gf}$, tối đa $\geq 6.0\text{gf}$ - Chiều dài $\geq 190\text{cm}$	300	Cái	1 cái/hộp	Không áp dụng	
96	Dây dẫn cứng can thiệp mạch máu ngoại biên	- Dây dẫn cứng can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu trực: thép không gỉ, phủ PTFE - Đầu tip có cấu trúc xoắn - Đường kính 0.035" hoặc 0.038" - Có chứng nhận FDA hoặc CE	80	Cái	1 cái/gói	Châu Mỹ	
97	Bộ dụng cụ điều trị huyết khối - tiêu huyết khối phổi	- Bộ dụng cụ điều trị nội mạch sử dụng công nghệ siêu âm kết hợp thuốc tiêu sợi huyết - Vùng điều trị: 6, 12, 18, 24, 30, 40, 50 cm. + Đường kính: $\leq 5.4\text{ F}$ + Phù hợp với dây dẫn: 0.035" + Chiều dài tối thiểu $\leq 106\text{ cm}$ + Đường kính: $\leq 2.7\text{F}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	10	Bộ	1 bộ/hộp	Không áp dụng	
98	Ống thông tiêu sợi huyết	- Ống thông tiêu sợi huyết có van ở đầu ống thông - Catheter 4F, 5F có chiều dài $\leq 135\text{cm}$ - Tương thích dây dẫn 0.038" - Có chứng nhận FDA hoặc CE	25	Cái	1 cái/Hộp	Không áp dụng	
99	Bộ hút huyết khối động mạch vành có lõi dây dẫn	- Bộ dụng cụ hút huyết khối trong lòng động mạch vành có lõi dây dẫn, phủ ái nước - Ống hút cỡ 6F, 7F - Đường kính lòng hút đầu gần $\geq 0.044"$ - Chiều dài $\geq 140\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Bộ	1 bộ /Hộp	Nhóm nước G7	
100	Bộ hút huyết khối động mạch vành	- Bộ dụng cụ hút huyết khối mạch vành kèm theo: syringe, khay chứa, lọc, tubing và stopcock - Đường viên bên thép không gỉ - Đường kính guiding catheter tương thích $\geq 0.066"$ - Chiều dài $\geq 145\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	150	Cái	01 Cái/Hộp	Nhóm nước G7	
101	Bộ hút huyết khối động mạch vành có diện tích lòng hút lớn	- Bộ hút huyết khối động mạch vành có đường kính lòng hút lớn - Ống hút cỡ 6F, 7F - Diện tích lòng hút $\geq 0.9\text{mm}^2$ với catheter 6F, $\geq 1.4\text{mm}^2$ với catheter 7F - Chiều dài $\geq 145\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	70	Bộ	1 bộ/ hộp	Nhóm nước G7	
102	Lưới lọc tĩnh mạch chủ tạm thời chất liệu Nitinol	- Lưới lọc tĩnh mạch chủ tạm thời chất liệu Nitinol - Đường kính $\geq 30\text{mm}$ - Sử dụng dây dẫn $\leq 0.035"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	16	Cái	1 Cái/Hộp	Nhóm nước G7	
103	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới loại tạm thời	- Lưới lọc tĩnh mạch chủ tạm thời chất liệu Phynox - Thiết kế hình nón để phù hợp với kích cỡ mạch máu cần lọc	16	Bộ	1 bộ/ hộp	Khối EU	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
104	Bộ dụng cụ thu hồi lưới lọc tĩnh mạch chủ	- Bộ dụng cụ bao gồm: + Dụng cụ mở đường 13F + Ống thu lưới lọc + Dây dẫn đường dài tối thiểu $\leq 150\text{cm}$, đường kính $\leq 0.035"$	15	Bộ	1 bộ/ hộp	Khối EU	
105	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu thần kinh	- Ống thông hỗ trợ can thiệp thần kinh cỡ 6F có lòng rộng đường kính tối thiểu $0.070"$ - Chiều dài tối thiểu $\leq 80\text{cm}$, tối đa $\geq 105\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	350	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
106	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu thần kinh phù ái nước	- Ống thông hỗ trợ can thiệp thần kinh phù ái nước 5-15cm từ đầu tip - Chiều dài tối thiểu $\leq 80\text{cm}$, tối đa $\geq 110\text{cm}$ - Dạng đầu tip: Cong, thẳng - Có chứng nhận FDA hoặc CE	300	Cái	1 cái/ hộp	Không áp dụng	
107	Ống thông hỗ trợ hút huyết khối mạch não	- Ống thông hút huyết khối - Lòng rộng có đường kính trong tối đa $\geq 0.071"$, đường kính ngoài tối đa $\geq 0.0855"$ - Chiều dài $\geq 132\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA và CE	20	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
108	Ống thông hút huyết khối mạch não, đường kính trong từ $0.062"$	- Ống thông hút huyết khối mạch não trực tiếp, đường kính trong từ $0.062"$ đến $0.072"$ - Chiều dài tối đa $\geq 132\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	50	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
109	Ống thông hút huyết khối mạch não, đường kính trong từ $0.035"$	- Ống thông hút huyết khối mạch não trực tiếp, đường kính trong từ $0.035"$ - Chiều dài $\geq 153\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	70	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
110	Vi ống thông thả stent thường	- Vi ống thông thả stent thường lấy huyết khối - Đường kính ngoài tối thiểu $\leq 2.4\text{F}$, tối đa $\geq 2.7\text{F}$ - Chiều dài $\geq 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA và CE	10	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
111	Dụng cụ đóng mạch máu bằng collagen	- Dụng cụ đóng mạch máu sau can thiệp cơ chế kẹp, loại có nút collagen - Đường kính dụng cụ mở đường khả dụng $\leq 8\text{F}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1500	Cái	5 cái/hộp	Nhóm nước G7	
112	Dụng cụ đóng mạch máu	- Dụng cụ đóng mạch máu với chất liệu nút tắc tự tiêu - Đường kính dụng cụ mở đường khả dụng $\leq 7\text{F}$ - Có chứng nhận FDA và CE	300	Cái	1 cái/ Hộp	Châu Mỹ	
113	Dụng cụ đóng mạch máu đến 25F	- Dụng cụ đóng lòng mạch bằng phương pháp kẹp giữa bởi mô neo - Đường kính dụng cụ mở đường khả dụng lên tới 25F - Có chứng nhận FDA và CE	150	Cái	1 Cái/Hộp	Châu Mỹ	
114	Xốp cầm máu	- Chitosan 100%, cỡ $3,5\text{cm} \times 3,5\text{cm}$	14100	Miếng	Hộp 10/15 gói, gói 1 miếng	Không áp dụng	
115	Ống thông hủy thần kinh giao cảm động mạch thận	- Ống thông hủy thần kinh giao cảm động mạch thận dạng tự bung - Đường kính tối thiểu $\leq 3\text{mm}$, tối đa $\geq 8\text{mm}$ - Tương thích dây dẫn đường $0.014"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5	Cái	1 Cái/ Hộp	Khối EU	
116	Dây dẫn can thiệp mạch máu não	- Dây dẫn can thiệp mạch máu não - Đường kính tối thiểu $\leq 0.008"$, tối đa $\geq 0.014"$, chiều dài tối đa 300cm - Lớp phủ ái nước dài tối đa 180cm - Lớp phủ polymer dài $\leq 150\text{cm}$ - Độ hiển thị đầu tip dài tối đa 9cm - Các dạng đầu tip: thẳng, cong, cong 90 độ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	300	Cái	1 Cái/gói	Không áp dụng	
117	Dây dẫn có thể xuyên qua huyết khối	- Dây dẫn đường kính $0.014"$, dài $200\text{cm} (\pm 5\%)$, đầu xa phủ lớp ái nước dài $40\text{cm} (\pm 5\%)$, đầu mềm cán tia X dài 5cm có thể xuyên qua huyết khối - Có chứng nhận FDA và CE	100	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
118	Dù bảo vệ chống tắc mạch vành, mạch cảnh và mạch ngoại vi	- Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp động mạch vành, mạch cảnh và mạch ngoại vi chất liệu lưới lọc Nitinol - Đường kính dù tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Hệ thống thả dù tương thích dây dẫn $\leq 0.018"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	300	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
119	Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp động mạch vành, động mạch cảnh	- Dù bảo vệ chống tắc mạch hạ lưu trong can thiệp động mạch vành, động mạch cảnh - Đường kính dù tối thiểu $\leq 5.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.014"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	30	Cái	1 Cái /Hộp	Nhóm nước G7	
120	Ống thông can thiệp mạch thần kinh	- Ống thông can thiệp mạch thần kinh - Đường kính trong: $0.021"$, $0.027"$ - Có tối thiểu các dạng đầu tip: thẳng hoặc cong - Tương thích dây dẫn tối đa $\leq 0.025"$ - Có chứng nhận FDA và CE	20	Cái	1 cái/ hộp	Châu Mỹ	
121	Vi ống thông can thiệp mạch não có lớp phủ ưa nước hai lớp	- Vi ống thông có lớp phủ ưa nước hai lớp - Đường kính trong: $0.021"$, $0.027"$ - Có tối thiểu các dạng đầu tip: thẳng hoặc cong - Có chứng nhận FDA hoặc CE	20	Cái	1 cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
122	Bóng tắc mạch chẹn cổ túi phình mạch thẳng	- Bóng liên ống dẫn và kèm dây dẫn cỡ $0.010"$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3\text{mm}$, tối đa $\geq 5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE	10	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	
123	Bóng nong mạch não loại 2 nòng	- Ống thông 2 nòng có gắn bóng nong - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng nong $\leq 8\text{mm}$ - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$, áp lực vỡ bóng $\leq 14\text{ atm}$. - Có chứng nhận FDA hoặc CE	15	Cái	1 Cái /Hộp	Nhóm nước G7	
124	Bộ van tim động mạch chủ sinh học thay qua da, chất liệu Nitinol	- Bộ dụng cụ thay van động mạch chủ sinh học qua da, tự nở, chất liệu khung van bằng Nitinol - Đường kính van tối thiểu $\leq 23\text{mm}$, tối đa $\geq 34\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	5	Cái	1 cái/ hộp	Châu Mỹ	
125	Bộ van tim động mạch chủ sinh học tự nở	- Bộ dụng cụ thay van động mạch chủ sinh học qua da, tự nở, chất liệu khung van bằng Nitinol - Đường kính van tối thiểu $\leq 23\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	10	Bộ	1 cái/ Bộ	Nhóm nước G7	
126	Bộ thay van động mạch chủ qua da, van được bung ra bằng bóng	- Bộ thay van động mạch chủ qua da chất liệu khung van bằng Cobalt Chromium, van được bung ra bằng bóng. - Kích cỡ tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 29\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	5	Bộ	1 bộ /Hộp	Không áp dụng	
127	Bộ thay van động mạch chủ qua da	- Bộ thay van động mạch chủ qua da chất liệu khung van bằng hợp kim, van được bung ra bằng bóng. - Đường kính van tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	10	Bộ	1 cái/ Bộ	Không áp dụng	
128	Bộ sửa van hai lá qua ống thông	- Bộ dụng cụ sửa van hai lá qua ống thông: - Dạng kẹp mép van - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	2	Bộ	01 Bộ bao gồm Kẹp van hai lá và Ống thông	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
129	Bóng nong mạch vành áp lực thường có vai bóng thuận nhon	- Bóng nong mạch vành loại áp lực thường chất liệu Polyether block amide/ Polyamide - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Có loại vai bóng thuận nhon 1 marker thuận lợi trong can thiệp CTO - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.0\text{mm}$, tối đa $\geq 3.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 5\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1430\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Cái	1 cái/hộp	Khối EU	
130	Bóng nong mạch vành áp lực cao $\geq 23\text{atm}$	- Bóng nong mạch vành áp lực cao chất liệu Polyamide - Áp lực vỡ bóng $\geq 23\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 5.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 12\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1430\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	200	Cái	1 cái/ hộp	Khối EU	
131	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại vi	- Dây dẫn đường can thiệp mạch ngoại biên chất liệu hợp kim Nitinol và thép không gỉ, bọc polymer với lớp phủ ái nước - Đường kính $\leq 0.018"$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	230	Cái	1 cái/hộp	Nhóm nước G7	
132	Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa	- Dụng cụ đóng mạch máu bằng chỉ ngoại khoa Polypropylene. - Khả năng đóng mạch máu có kích thước lên tới $\leq 21\text{F}$ đối với động mạch và $\leq 24\text{F}$ đối với tĩnh mạch - Có chứng nhận FDA hoặc CE	150	Cái	1 cái/túi	Khối EU	
133	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại biên nhiều loại lớp phủ	- Dây dẫn can thiệp mạch ngoại biên - Công nghệ nhiều loại lớp phủ khác nhau: hydrophilic, polymer... - Chiều dài $\leq 320\text{cm}$ - Khả năng tái đầu tip tối thiểu $\leq 1.0\text{gr}$, tối đa $\geq 40\text{gr}$ - Đường kính: $0.014"$, $0.018"$	170	Cái	1 cái/gói	Không áp dụng	
134	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch ngoại biên	- Ống thông hỗ trợ trong can thiệp mạch máu phủ lớp ái nước, trơn mượt dễ đi qua tổn thương - Chiều dài tối thiểu $\leq 65\text{cm}$, tối đa $\geq 150\text{cm}$ - Khẩu kính đầu vào $\leq 0.038"$ - Đầu xa catheter có điểm đánh dấu cân quang, thân catheter đánh dấu đoạn đen trắng - Có chứng nhận FDA và CE	330	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
135	Bóng nong động mạch ngoại biên có phủ thuốc	- Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel với công nghệ micropipeting - Tương thích dây dẫn $0.018"$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 40\text{mm}$, tối đa $\geq 120\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	90	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Âu	
136	Bóng nong động mạch ngoại vi áp lực cao	- Bóng nong mạch ngoại biên/ cầu nối chất liệu sợi composite - Tương thích với dây dẫn $0.035"$ - Áp lực vỡ bóng $\geq 40\text{atm}$. - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 4.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 100\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	20	Cái	1 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
137	Bóng nang mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.018"	- Bóng nang mạch ngoại biên vật liệu Semi Crystalline Polymer với công nghệ phủ đan xen kỵ nước có 5 nếp gấp - Tương thích dây dẫn 0.018", hệ thống 4F,5F - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	110	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Âu	
138	Bóng nang mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.035", hệ thống 5F,6F,7F	- Bóng nang mạch ngoại biên vật liệu Semi Crystalline Polymer, 3-5 nếp gấp với công nghệ phủ đan xen kỵ nước - Tương thích dây dẫn 0.035" và hệ thống 5F,6F,7F - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 250\text{mm}$ - Áp lực bình thường $\geq 8\text{atm}$, áp lực vỡ bóng lớn nhất 20atm và áp lực vỡ bóng thấp nhất là 11atm tùy theo kích thước và chiều dài bóng - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	110	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Âu	
139	Bóng nang mạch máu ngoại vi có phủ thuốc, tương thích dây dẫn 0.014", 0.035"	- Bóng nang động mạch ngoại biên phủ thuốc Paclitaxel với chất mang thuốc polysorbate, sorbitol - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.035" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 4.0\text{mm}$, tối đa $\geq 7.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 150\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\leq 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	50	Cái	1 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
140	Bóng nang mạch ngoại biên có phủ thuốc, tương thích dây dẫn 0.014", 0.018"	- Bóng nang động mạch ngoại biên chất liệu Pebax, phủ thuốc Paclitaxel với công nghệ phủ Transpax - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa đến $\geq 8.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 40\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	50	Cái	1 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
141	Dụng cụ mở đường vào mạch máu	- Dụng cụ mở đường vào mạch máu có van cầm máu - Đường kính tối đa $\geq 11\text{F}$, chiều dài $\leq 23\text{cm}$ - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038"$ - Chứng nhận FDA và CE	1500	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Mỹ	
142	Ống thông chụp chuẩn đoán mạch máu	- Cấu trúc nylon 3 đoạn tăng cường khả năng chống xoắn, giảm hiện tượng bị giật - Thân ống được bện từ các sợi thép không gỉ và bọc chất liệu chống đông máu - Đầu tip cân quang mềm hạn chế chấn thương, tăng độ hiển thị - Có các loại đầu cong: JL, JR, AL, IM, PIG, AR, SON ... - Đường kính ngoài $\leq 6\text{F}$ - Chiều dài tối đa 125cm - Tương thích dây dẫn $\leq 0.038"$	300	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Mỹ	
143	Ống thông can thiệp ngoại vi	- Vi ống thông hỗ trợ can thiệp mạch máu ngoại biên - Chiều dài tối thiểu $\leq 65\text{cm}$, tối đa $\geq 150\text{cm}$ - Có 2 loại đầu thẳng và cong - Đầu xa catheter phủ lớp ái nước - Có chứng nhận FDA hoặc CE	320	Cái	05 Cái / Hộp	Nhóm nước G7	
144	Dụng cụ lấy dị vật dùng trong can thiệp mạch não	- Dụng cụ lấy dị vật chất liệu nitinol nhớ hình - Đường kính tối thiểu $\leq 2\text{mm}$, tối đa $\geq 7\text{mm}$ - Chiều dài catheter tối thiểu $\leq 150\text{cm}$ - Có marker của ống thông bằng Platinum-Iridium - Có chứng nhận FDA hoặc CE	1	Cái	1 cái/ hộp	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
145	Bóng nong mạch vành áp lực thông thường có vai bóng thuận nhon	- Bóng nong mạch vành áp lực thường chất liệu Pebax hoặc tương đương - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Có loại vai bóng thuận nhon 1 marker thuận lợi trong can thiệp CTO - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 5\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Chiều dài catheter $\geq 1400\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	200	Cái	1 Cái/ Hộp	Châu Âu	
146	Bóng nong động mạch vành phủ thuốc paclitaxel có đường kính $\geq 4.5\text{mm}$	- Bóng nong mạch vành phủ thuốc paclitaxel bằng công nghệ TransferTech/Pacocath/FreePac - Nồng độ thuốc $\geq 3\mu\text{g}/\text{mm}^2$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.5\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 40\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	50	Cái	1 Cái/ Hộp	Khối EU	
147	Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành phủ lớp ái nước	- Bộ dụng cụ hút huyết khối động mạch vành tương thích catheter kích thước 6F, phủ lớp ái nước, công nghệ đan lưới lồng ống - Đường kính lòng hút $\geq 0.043"$ ở đầu xa, $\geq 0.044"$ ở đầu gần - Chiều dài $\geq 140\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Bộ	1 Bộ/ Hộp	Nhóm nước G7	
148	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch	- Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch, có 3 loại đầu tip: thẳng, cong 45 độ, đầu cong cổ thiên nga - Đường kính ngoài $\leq 2.9\text{F}$ - Dây dẫn tương thích tối đa $\leq 0.021"$ - Có chứng nhận FDA và CE	10	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
149	Bóng nong mạch vành dây dẫn kép	- Bóng nong động mạch vành chất liệu Nylon với hệ thống dây dẫn đính kèm Nitinol trên bề mặt bóng - Có lớp phủ ái nước - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.75\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng $\leq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	300	Cái	1 Cái/ hộp	Khối EU	
150	Bình chứa gắn với bơm hút huyết khối	- Sử dụng kết nối với máy bơm hút huyết khối - Có chứng nhận FDA hoặc CE	32	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
151	Dây nối với máy bơm hút huyết khối	- Sử dụng tương thích với tất cả ống thông hút huyết khối - Có chứng nhận FDA hoặc CE	32	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
152	Vi ống thông hút huyết khối ngoại biên loại nhỏ	- Chiều dài $\geq 135\text{cm}$, đường kính $\leq 6\text{F}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	12	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
153	Vi ống thông hút huyết khối ngoại biên loại lớn	- Chiều dài tối thiểu $\geq 85\text{cm}$, đường kính $\leq 7\text{F}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	32	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
154	Vi dây dẫn gắn đầu chọc tách huyết khối các loại	- Vi dây dẫn gắn đầu chọc tách huyết khối các loại, công nghệ SeparatorTM - Đường kính $\leq 0.068"$, chiều dài $\geq 150\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	2	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	
155	Dây dẫn can thiệp mạch chi	- Dây dẫn cho can thiệp ngoại biên - Đường kính tối đa $\leq 0.035"$ - Chiều dài tối thiểu $\leq 180\text{cm}$, tối đa $\geq 300\text{cm}$ - Chiều dài đầu tip cân quang tối đa 5cm - Đầu đoạn xa thẳng hoặc uốn sẵn - Có chứng nhận FDA hoặc CE	220	Cái	1 Cái/ hộp	Nhóm nước G7	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
156	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.035"	- Bóng nong mạch ngoại biên thiết kế ống thông lõi kép - Tương thích dây dẫn 0.035" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	60	Cái	1 Cái / Hộp	Nhóm nước G7	
157	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.014"	- Bóng nong mạch ngoại biên có 3 nếp gấp cho mạch chi dưới, có lớp phủ đàn xen ái nước. - Tương thích dây dẫn 0.014" - Đường kính bóng: 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm. (tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$) - Chiều dài bóng: 20, 40, 70, 100, 140, 180, 220mm. (tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 220\text{mm}$) - Có chứng nhận FDA và CE, CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật.	60	Cái	1 Cái / Hộp	Châu Âu	
158	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.014", 0.018"	- Bóng nong mạch ngoại vi chất liệu bóng Pebax phủ ái nước - Tương thích dây dẫn 0.014", 0.018" và hệ thống 4F, 5F - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 6.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	60	Cái	1 Cái / Hộp	Khởi EU	
159	Bóng nong mạch máu ngoại biên tương thích dây dẫn 0.018", 0.035"	- Bóng nong mạch ngoại vi chất liệu Nylon/ Pebax có điểm đánh dấu cản quang - Tương thích dây dẫn 0.018", 0.035" - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Chiều dài hệ thống tối thiểu $\leq 80\text{cm}$, tối đa $\geq 135\text{m}$ - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	60	Cái	1 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
160	Bóng nong mạch chi áp lực cao	- Bóng nong động mạch ngoại biên áp lực cao thiết kế ống thông lõi kép - Tương thích dây dẫn 0.035", hệ thống 6F và 7F - Áp lực vỡ bóng $\geq 24\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 4.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 100\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	20	Cái	1 Cái/ Hộp	Nhóm nước G7	
161	Bóng nong mạch máu ngoại biên, ngoại vi áp lực cao	- Bóng nong mạch ngoại vi, chất liệu NyBax phủ lớp ái nước. - Tương thích dây dẫn 0.035" và hệ thống 6F - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 3.0\text{mm}$, tối đa $\geq 12.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 20\text{mm}$, tối đa $\geq 200\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	20	Cái	1 Cái/ Hộp	Khởi EU	
162	Bóng nong động mạch vành áp lực thường các cỡ	- Bóng nong động mạch vành có 3 nếp gấp, lớp phủ ái nước trên trục đầu xa - Chiều dài catheter $\geq 143\text{cm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 10\text{mm}$, tối đa $\geq 30\text{mm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 1.5\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Áp lực thường $\geq 6\text{atm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Cái	1 cái/ Hộp	Châu Âu	

STT	Danh mục vật tư	Thông số kỹ thuật yêu cầu cần đạt tối thiểu	Số lượng	Đơn vị tính	Quy cách đóng gói tối thiểu	Xuất xứ	Ghi chú
163	Bóng nong động mạch vành áp lực cao các cỡ	- Bóng nong động mạch vành áp lực cao chất liệu Nylon, có phủ ả nước trên trục xa, lớp phủ kỵ nước trên ống hypotube - Áp lực vỡ bóng $\geq 20\text{atm}$ - Đường kính bóng tối thiểu $\leq 2.0\text{mm}$, tối đa $\geq 4.0\text{mm}$ - Chiều dài bóng tối thiểu $\leq 8\text{mm}$, tối đa $\geq 20\text{mm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	100	Cái	1 cái/ Hộp	Châu Âu	
164	Keo histoacryl	- Keo dán mô N-buty-2-cyano acylat - Dung tích 0.5 ml	20	Tuýp	1 tuýp/ hộp	Khối EU	
165	Chất tắc mạch dạng lỏng 1.5ml	- Làm từ hợp chất Ethylene vinyl alcohol, bao gồm: + 1 lọ chất tắc mạch dung tích 1.5 ml + 1 lọ dung môi 1.5 ml + 2 xy-lanh bơm chất tắc mạch loại 1ml, 1 xy-lanh bơm dung môi loại 1 ml - Có chứng nhận FDA và CE	40	Lọ	1 lọ/ hộp	Nhóm nước G7	
166	Vật liệu nút mạch hình cầu	- Vật liệu nút mạch hình cầu pha sẵn dung tích hạt 2ml chất liệu Acrylic polymer + gelatin - Kích cỡ hạt $\leq 1200\mu\text{m}$ - Có chứng nhận FDA và CE	30	Lọ	Hộp/5 lọ; Hộp/1 lọ	Khối EU	
167	Hệ thống ống thông và bóng nong mạch ngoại vi đa chức năng	- Hệ thống ống thông và bóng nong mạch ngoại vi đa chức năng bao gồm: Ống thông hỗ trợ, dụng cụ nong và bóng nong - Có chứng nhận FDA và CE hoặc CFS ít nhất một nước châu Âu/ Canada/ Úc/ Nhật	30	Cái	1 Cái /Hộp	Châu Âu	
168	Vi ống thông can thiệp mạch	- Đường kính trong $\leq 0.013"$, đường kính ngoài $\leq 2.7\text{F}$, đầu gắn dạng coil bằng thép không gỉ - Chiều dài $\geq 165\text{cm}$ - Tương thích dây dẫn 0.01" - Chiều dài đầu xa $\leq 25\text{cm}$	30	Cái	1 Cái /Hộp	Nhóm nước G7	
169	Vi ống thông can thiệp mạch có chiều dài đầu tip tới 3cm	- Đường kính trong $\leq 0.013"$, đường kính ngoài $\leq 2.7\text{F}$, đầu gắn dạng coil bằng thép không gỉ - Chiều dài $\geq 165\text{cm}$ - Tương thích dây dẫn 0.01" - Chiều dài đầu tip $\leq 3\text{cm}$	30	Cái	1 Cái /Hộp	Nhóm nước G7	
170	Dây dẫn can thiệp mạch ngoại biên dưới khớp gối	- Dây dẫn đường can thiệp mạch ngoại biên chất liệu hợp kim Nitinol và thép không gỉ - Đường kính $\leq 0.014"$ - Có chứng nhận FDA và CE	200	Cái	5 Cái/Hộp	Nhóm nước G7	
171	Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên	- Dây dẫn can thiệp mạch máu ngoại biên - Chất liệu trục: thép không gỉ, phủ PTFE - Đầu tip có cấu trúc xoắn - Đường kính 0.035" hoặc 0.038" - Có chứng nhận FDA hoặc CE	200	Cái	1 Cái /Hộp	Khối EU	
172	Dây dẫn đường can thiệp nút mạch	- Dây dẫn đường can thiệp nút mạch phủ ả nước ICE, lõi Scitanium, đầu tunsteng - Đường kính: 0.014", 0.018" - Chiều dài: $\leq 190\text{cm}$ - Có chứng nhận FDA hoặc CE	40	Cái	1 Cái /Hộp	Châu Mỹ	
173	Bộ dụng cụ dùng trong khoan phá mạch ngoại vi	- Bộ dụng cụ dùng trong khoan phá mạch ngoại vi bao gồm: + Ống thông có mũi khoan loại cánh mở/ đóng hoặc cánh cố định + Tương thích dây dẫn 0.014" + Dung dịch bôi trơn - Có chứng nhận FDA hoặc CE	5	Bộ	1 bộ/ hộp	Khối EU	
174	Bộ cắt mảng xơ vữa	- Dụng cụ bảo gọt mảng xơ vữa có định hướng - Tương thích dây dẫn tối đa 0.014" - Tương thích dụng cụ mở đường 6F, 7F - Thiết kế dao 4 lưỡi cắt, thiết kế trục 4 lớp	5	Cái	1 Cái /Hộp	Khối EU	
175	Bộ điều khiển dao cắt	- Tương thích hệ thống bộ cắt mảng xơ vữa	5	Cái	1 Cái /Hộp	Không áp dụng	
176	Sensor đo SPO2 người lớn, trẻ em loại dán	Sensor đo SPO2 NL + TE loại dán, dùng cho máy đo SpO2 model Rad7/Masimo, tiết trùng	155	Cái	1 cái/túi	Đông Nam Á	

Tổng cộng: 181 mặt hàng